TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2023/DS-ST
Ngày: 13- 9-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 572/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện CM giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại CCPĐA (sau đây viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số 130 PĐL, P3, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T: Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1968, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch CM (Quyết định số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hữu T: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1989; chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh - Phòng giao dịch CM; địa chỉ: Số 06A NHC, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang (Quyết định V/v ủy quyền tham gia tố tụng ngày 23/6/2023) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp LQ2, xã LĐB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Kim H, sinh 1966; địa chỉ: ấp LQ2, xã LĐB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn do ông Nguyễn Thành Luân đại diện trình bày:

Ngân hàng và Trần Thị Kim C có ký kết Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/12/2016. Theo đó, các bên thỏa thuận cho vay như sau: Vốn vay 10.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 30/12/2016 đến ngày 30/12/2017); mục đích vay: mua bán; lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng 15%/năm; phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi mà bên vay phải góp 12 kỳ, cụ thể 11 kỳ đầu là 920.000 đồng, kỳ cuối là 880.000 đồng; biện pháp đảm bảo: Vay tín chấp có bảo lãnh. Ngày 30/12/2016, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng cho bà C.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, tại mục IV Phần cam kết của người bảo lãnh trong giấy đề nghị vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ: Trần Thị Kim H (chị bà C) cam kết trường hợp bà C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng thì bà H sẽ trả nợ thay cho bà C cho đến khi hết nợ tại Ngân hàng. Trong trường hợp bà H không trả nợ, bà H đồng ý để Ngân hàng có quyền trích từ tài khoản tiền gửi và/hoặc tài sản gửi khác của cá nhân bà H tại Ngân hàng để thu hồi nợ vay.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 23/6/2023, bà C đã trả được số tiền là 9.200.000 đồng, trong đó, tiền vốn gốc là 7.917.950 đồng, lãi trong hạn là 1.282.050 đồng; bà C còn nợ lại Ngân hàng số tiền tạm tính là 5.596.081 đồng, gồm: Vốn gốc là 2.750.770 đồng, lãi trong hạn là 229.230 đồng, lãi quá hạn là 2.616.081 đồng.

Khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ thì toàn bộ số nợ của bà C đã bị Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn, bà C không thực hiện trả nợ mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc và nhắc nhở, bên cạnh đó, bà H cũng không thực hiện nghĩa vụ trả thay cho bà C theo cam kết bảo lãnh.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu như sau:

Yêu cầu bà C trả số tiền tính đến ngày 23/6/2023, cụ thể: Vốn gốc là 2.750.770 đồng, lãi trong hạn là 229.230 đồng, lãi quá hạn là 2.616.081 đồng. Tổng cộng số tiền mà Ngân hàng yêu cầu bà C phải trả cho Ngân hàng là 5.596.081 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/6/2023 đến ngày bà C trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/12/2016 và danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ 30/12/2016.

Trường hợp bà C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà H phải trả nợ thay cho bà C cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Kim C vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn do ông Nguyễn Thành Luân đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày: Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Kim C trả nợ vốn và lãi tính đến ngày 13/9/2023 với tổng số tiền là 5.685.320 đồng (gồm: Vốn gốc 2.750.770 đồng, lãi trong hạn là 229.230 đồng; lãi quá hạn là 2.705.320 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/12/2016. Trường hợp bà C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà H phải trả nợ thay cho bà C cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa.

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Luân từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông Luân có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Bà Trần Thị Kim C từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Kim H từ khi thụ lý vụ án, đã được tống đạt và triệu tập đúng như quy định nhưng vắng trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Về nội dung vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Trần Thị Kim C trả nợ vốn và lãi tính đến ngày 13/9/2023 với tổng số tiền là 5.685.320 đồng (gồm: Vốn gốc 2.750.770 đồng, lãi trong hạn là 229.230 đồng; lãi quá hạn là 2.05.320 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/12/2016. Trường hợp bà Trần Thị Kim C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà Trần Thị Kim H phải trả nợ thay cho bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim C trả nợ theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết; chủ thể tham gia giao dịch (bà Trần Thị Kim C) không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp về dân sự. Đồng thời, bà Trần Thị Kim C (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp LQ2, xã LĐB, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với ông Nguyễn Thành Luân có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị Kim C và bà Trần Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Ngân hàng bổ sung yêu cầu buộc bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính đến ngày 13/9/2023 là 5.685.320 đồng. Xét thấy, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để xem xét, giải quyết trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ trả tổng số tiền 5.685.320 đồng, gồm: nợ gốc 2.750.770 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/9/2023 là 5.568.938 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/12/2016, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng căn cứ vào Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Kim C để yêu cầu bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc còn nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng do bà Trần Thị Kim C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà Ngân hàng và bà Trần Thị Kim C đã giao kết trong Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn

cứ xác định giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Kim C có xác lập hợp đồng tín dụng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/12/2016 và bà Trần Thị Kim C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như lời trình bày của Ngân hàng.

Xét thấy, việc xác lập Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, là Hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Kim C thanh toán tiền nợ gốc, lãi đối với khoản vay được 9.200.000 đồng (lần cuối cùng là ngày 22/10/2020 bà C trả được 100.000 đồng), thì không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận, làm phát sinh nợ quá hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 13/9/2023 với tổng số tiền 5.685.320 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/12/2016 là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết; Điều 280; Điều 357; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu buộc bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị Kim C trong trường hợp bà Trần Thị Kim C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/12/2016, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà Trần Thị Kim C cho Ngân hàng, bà Trần Thị Kim H cam kết với Ngân hàng sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị Kim C nếu khi đến thời hạn trả nợ mà bà Trần Thị Kim C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Việc Ngân hàng với bà Trần Thị Kim H xác lập hợp đồng bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015 và bà Trần Thị Kim C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã phân tích ở trên nên yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Trần Thị Kim H thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh trong trường hợp bà bà Trần Thị Kim C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên bà Trần Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự

và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, 335, 336, 342, 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại CCPĐA.

Buộc bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại CCPĐA nợ gốc và lãi của khoản vay như sau:

Nợ gốc: 2.750.770 (hai triệu, bảy trăm tám năm mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng) đồng.

Tiền lãi tính đến ngày 13/9/2023 là 2.934.550 (hai triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/12/2016 kể từ ngày 14/9/2023 cho đến khi bà Trần Thị Kim C thanh toán xong nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại CCPĐA thì lãi suất mà bà Trần Thị Kim C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại CCPĐA theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại CCPĐA.

Trường hợp bà Trần Thị Kim C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại CCPĐA thì bà Trần Thị Kim H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại CCPĐA đối với số tiền mà bà Trần Thị Kim C còn nợ Ngân hàng Thương mại CCPĐA.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại CCPĐA được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0013824 ngày 27/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Dương